

SỬ DỤNG PHÂN TÍCH SWOT ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH VÕ – QUYỀN ANH, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO, TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Mai Thị Phương Liên⁽¹⁾; Vũ Thị Hiền⁽¹⁾
Nguyễn Tiến Sơn⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 02/04/2026

Ngày phản biện: 14/05/2026

Ngày đăng: 12/06/2026

Tác giả liên hệ:

Mai Thị Phương Liên

Email: phuonglien@gmail.com

Tập 3, số 4 (2026), trang 79-84

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14044>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Sử dụng phương pháp phân tích SWOT và các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực TDTT tiến hành đánh giá thực trạng hiệu quả NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, ngành HLTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Kết quả phân tích SWOT cho thấy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ, Quyền Anh có nền tảng tốt về tổ chức và sản phẩm đầu ra, song cần tập trung khai thác thời cơ chuyển đổi số và nhu cầu thực tiễn để khắc phục hạn chế về chiều sâu năng lực và mức độ ứng dụng. Sử dụng kết quả phân tích SWOT, quá trình nghiên cứu đã đề xuất được 6 giải pháp nâng cao hiệu quả NCKH cho sinh viên.

Từ khóa: SWOT, nghiên cứu khoa học, chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Using SWOT analysis to assess the current scientific research effectiveness of students specializing in Martial Arts and Boxing in the Sport Coaching Program at Bac Ninh Sports University

Mai Thi Phuong Lien⁽¹⁾; Vu Thi Hien⁽¹⁾
Nguyen Tien Son⁽²⁾

Article Information:

Received: 02/04/2026

Review date: 14/05/2026

Published: 12/06/2026

Corresponding Author:

Mai Thi Phuong Lien

Email: phuonglien@gmail.com

Vol.3, Issue 4 (2026), pp 79-84

DDOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14044>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

This study employed SWOT analysis and basic scientific research methods in sport sciences to assess the current effectiveness of scientific research activities among students specializing in Martial Arts and Boxing in the Sport Coaching program at Bac Ninh Sports University. The SWOT results indicated that scientific research activities among Martial Arts and Boxing students have a relatively strong foundation in terms of organization and research outputs; however, greater attention should be paid to leveraging opportunities from digital transformation and practical demands to overcome limitations in competency depth and application level. Based on the SWOT analysis, six measures were proposed to improve students' scientific research effectiveness.

Keywords: SWOT, scientific research, Martial Arts and Boxing specialization, Bac Ninh Sports University

⁽¹⁾ThS ⁽²⁾SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực nghiên cứu của người học, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên ngày càng được coi là một tiêu chí quan trọng phản ánh chất lượng đào tạo. Đối với sinh viên ngành Huấn luyện thể thao, đặc biệt là chuyên ngành Võ – Quyền Anh, NCKH không chỉ giúp củng cố kiến thức lý luận mà còn góp phần phát triển tư duy khoa học và khả năng vận dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn huấn luyện và thi đấu. Tuy nhiên, hiệu quả NCKH của sinh viên không chỉ phụ thuộc vào năng lực cá nhân mà còn chịu tác động của nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài môi trường đào tạo. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng một cách hệ thống là cơ sở quan trọng để xác định định hướng phát triển phù hợp. Trong nghiên cứu quản lý giáo dục và phát triển học thuật, phân tích SWOT được xem là công cụ hiệu quả giúp tổng hợp, nhận diện đồng thời các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức của một hoạt động. Việc vận dụng phương pháp này cho phép nhìn nhận toàn diện bối cảnh hoạt động NCKH của sinh viên, qua đó tạo cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu trong đào tạo Huấn luyện thể thao tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sự phạm, phương pháp phỏng vấn, phương pháp phân tích SWOT và phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành trên 32 giảng viên và 18 sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (đang tiến hành hoạt động nghiên cứu) và khóa đại học 57 (đã hoàn thành hoạt động nghiên cứu và mới ra trường)

Thời điểm nghiên cứu: Năm học 2024-2025.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Đánh giá thực trạng hiệu quả NCKH cho sinh

viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua phỏng vấn 32 giảng viên và 18 sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh có tham gia NCKH trên cơ sở đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng hoạt động NCKH của đối tượng nghiên cứu. Kết quả cho thấy:

Thực trạng các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh đều ở mức trung bình khá, phản ánh nền tảng năng lực nghiên cứu đã được hình thành nhưng chưa phát triển sâu. Điểm mạnh tương đối nằm ở sự hứng thú tham gia và kỹ năng hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu. Tuy nhiên, điểm nghẽn nổi bật là nền tảng phương pháp luận, tư duy phản biện và bản lĩnh học thuật khi bảo vệ kết quả còn hạn chế. Chuỗi này cho thấy sinh viên có động cơ và khả năng thực hiện kỹ thuật nghiên cứu, nhưng thiếu chiều sâu phân tích và năng lực lập luận độc lập – yếu tố quyết định chất lượng khoa học thực sự. Trong bối cảnh đào tạo ngành Huấn luyện thể thao thiên về thực hành, việc tăng cường bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu và kỹ năng phản biện cần được xem là trọng tâm nâng cao hiệu quả NCKH sinh viên.

Thực trạng các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh được đánh giá chủ yếu ở mức trung bình khá, phản ánh môi trường nghiên cứu đã có nền tảng nhưng chưa thực sự tạo đột phá. Điểm mạnh tương đối nằm ở sự rõ ràng của quy trình quản lý đề tài và định hướng ứng dụng thực tiễn trong đào tạo ngành Huấn luyện thể thao. Tuy nhiên, ba điểm nghẽn khách quan nổi bật gồm: chất lượng phản hồi chuyên môn của giảng viên chưa sâu; hoạt động học thuật và sinh hoạt nghiên cứu tập thể chưa thường xuyên; và hạn chế trong tiếp cận học liệu số cũng như hợp tác doanh nghiệp. Những yếu tố này trực tiếp ảnh hưởng đến việc phát triển tư duy phản biện và chiều sâu nghiên cứu của sinh viên, đồng thời làm suy giảm khả năng lan tỏa và ứng dụng kết quả khoa học.

Hoạt động NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ, Quyền Anh có nền tảng tổ chức ổn định, sản phẩm đầu ra tương đối tích cực và phong trào nghiên cứu bước đầu được duy trì

thường xuyên. Tuy nhiên, chiều sâu năng lực phương pháp, mức độ ứng dụng thực tiễn và cơ chế theo dõi tác động sau nghiệm thu vẫn còn những hạn chế nhất định. Sự chênh lệch giữa kết quả định lượng và cảm nhận về năng lực nội tại cho thấy cần phân tích kỹ hơn các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến hiệu quả nghiên cứu. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục phân tích theo hướng SWOT, nhằm xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển NCKH sinh viên.

2. Phân tích SWOT về thực trạng hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Sử dụng phân tích SWOT để đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phân tích SWOT về thực trạng hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Điểm mạnh	Điểm yếu
S1. Tỷ lệ hoàn thành và nghiệm thu đề tài đạt 100 phần trăm, phản ánh cơ chế tổ chức và quản lý tương đối ổn định.	W1. Chưa có số liệu cụ thể về mức độ ứng dụng đề tài vào thực tiễn huấn luyện, thiếu minh chứng về chuyển giao.
S2. Tỷ lệ đề tài đạt giải cao, chiếm 90 phần trăm, cho thấy chất lượng chuyên môn của đề tài ở mức khá tốt.	W2. Năng lực phát hiện vấn đề và thiết kế nghiên cứu độc lập của sinh viên mới đạt mức trung bình khá.
S3. Số lượng bài báo công bố tương đối cao so với số đề tài, bình quân 1,6 bài trên một đề tài, thể hiện sự quan tâm đến công bố khoa học.	W3. Kỹ năng xử lý số liệu và viết báo cáo khoa học chưa thật sự nổi bật.
S4. Định hướng đề tài cơ bản phù hợp với nhu cầu phát triển ngành Huấn luyện thể thao và đặc thù đào tạo thực hành.	W4. Hoạt động sinh hoạt học thuật và nhóm nghiên cứu chưa thường xuyên, ảnh hưởng đến môi trường học thuật.
S5. Phong trào nghiên cứu trong sinh viên bước đầu có tác động lan tỏa tích cực trong khoa, bộ môn.	W5. Hệ thống theo dõi tác động sau nghiệm thu đề tài chưa được xây dựng đầy đủ.
Thời cơ	Thách thức
O1. Chủ trương đổi mới căn bản giáo dục đại học theo hướng phát triển năng lực và nghiên cứu ứng dụng.	T1. Áp lực học tập, tập luyện và thi đấu của sinh viên ngành Huấn luyện thể thao làm hạn chế thời gian dành cho nghiên cứu.
O2. Nhu cầu nâng cao chất lượng huấn luyện thể thao, đặc biệt ở các môn võ thuật, tạo điều kiện cho đề tài gắn thực tiễn.	T2. Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng phương pháp luận và chuẩn mực công bố khoa học.
O3. Sự phát triển của công nghệ số và cơ sở dữ liệu khoa học hỗ trợ mạnh cho nghiên cứu sinh viên.	T3. Cạnh tranh về thành tích nghiên cứu giữa các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực thể dục thể thao.
O4. Xu hướng đẩy mạnh công bố khoa học và hội nhập học thuật trong lĩnh vực khoa học thể thao.	T4. Hạn chế về nguồn học liệu số và cơ sở dữ liệu chuyên sâu nếu không được đầu tư đồng bộ.
O5. Khả năng mở rộng hợp tác với câu lạc bộ, trung tâm huấn luyện và địa phương trong triển khai đề tài ứng dụng.	T5. Nguy cơ nghiên cứu mang tính hình thức nếu thiếu cơ chế gắn kết chặt chẽ với thực tiễn huấn luyện.



NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh bước đầu đã đi vào chiều sâu. Đây là nền tảng quan trọng nâng cao chất lượng học tập, năng lực nghề nghiệp và học tập suốt đời

Tổng thể kết quả phân tích SWOT cho thấy hoạt động NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ, Quyền Anh có nền tảng tốt về tổ chức và sản phẩm đầu ra, song cần tập trung khai thác thời cơ chuyển đổi số và nhu cầu thực tiễn để khắc phục hạn chế về chiều sâu năng lực và mức độ ứng dụng.

3. Sử dụng kết quả phân tích SWOT trong đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả NCKH cho sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Trên cơ sở kết quả phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng và hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, có thể nhận thấy bức tranh tổng thể vừa có những nền tảng tích cực, vừa tồn tại những hạn chế cần được nhận diện rõ. Để hệ thống hóa các phát hiện theo hướng chiến lược và làm căn cứ đề xuất giải pháp phù hợp với đặc thù ngành Huấn luyện thể thao, đề tài sử dụng kết quả phân tích SWOT về ma trận SWOT để làm căn cứ đề

xuất và xây dựng nội dung các giải pháp. Cách tiếp cận này cho phép tổng hợp các điểm mạnh và điểm yếu nội tại, đồng thời đối chiếu với các thời cơ và thách thức từ môi trường bên ngoài, qua đó xác định định hướng phát triển và nâng cao hiệu quả NCKH sinh viên theo hướng bền vững và gắn với thực tiễn huấn luyện.

I. Nhóm chiến lược SO (Phát huy điểm mạnh - tận dụng thời cơ)

SO1. Phát triển các đề tài nghiên cứu ứng dụng gắn trực tiếp với thực tiễn huấn luyện Võ – Quyền Anh

Tận dụng S1, S2, S4 kết hợp O1, O2, O5 để xây dựng các đề tài có địa chỉ ứng dụng rõ ràng tại câu lạc bộ, trung tâm huấn luyện và địa phương.

SO2. Nâng cao chất lượng và mở rộng công bố khoa học sinh viên

Dựa trên S3, S5 kết hợp O3, O4 để đẩy mạnh công bố trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo khoa học thể thao trong và ngoài nước, ứng

dụng công nghệ số trong viết và quản lý tài liệu.

SO3. Xây dựng nhóm nghiên cứu sinh viên theo định hướng chuyên sâu môn võ

Khai thác nền tảng phong trào nghiên cứu hiện có để hình thành nhóm nghiên cứu ổn định, gắn đào tạo với nghiên cứu ứng dụng và đổi mới sáng tạo.

II. Nhóm chiến lược WO (Khắc phục điểm yếu - tận dụng thời cơ)

WO1. Thiết lập cơ chế theo dõi và đánh giá mức độ ứng dụng sau nghiệm thu đề tài

Kết hợp O2 và O5 nhằm khắc phục W1 và W5 thông qua việc xây dựng quy trình thử nghiệm, đánh giá tác động vào giáo án và thành tích huấn luyện.

WO2. Bồi dưỡng chuyên sâu kỹ năng phương pháp và xử lý số liệu cho sinh viên

Tận dụng O3 để khắc phục W2, W3 thông qua tập huấn phần mềm phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết kế nghiên cứu và viết bài khoa học.

WO3. Tăng cường sinh hoạt học thuật định kỳ

Dựa vào O1 và O4 để cải thiện W4, tổ chức seminar chuyên đề, diễn đàn nghiên cứu trẻ và hội nghị khoa học sinh viên theo hướng chuyên ngành.

III. Nhóm chiến lược ST (Phát huy điểm mạnh - hạn chế thách thức)

ST1. Chuẩn hóa quy trình hướng dẫn và nghiệm thu đề tài theo tiêu chuẩn phương pháp luận cao hơn

Dựa trên S1, S2 nhằm đáp ứng T2 và T3, nâng cao sức cạnh tranh học thuật trong lĩnh vực khoa học thể thao.

ST2. Tối ưu hóa phân bổ thời gian nghiên cứu phù hợp đặc thù tập luyện

Khai thác nền tảng tổ chức ổn định S1 để xây dựng kế hoạch nghiên cứu linh hoạt, giảm tác động của T1.

ST3. Tăng cường chuẩn mực đạo đức và chất lượng công bố

Dựa trên S3 để chủ động thích ứng với yêu cầu ngày càng cao về chuẩn mực học thuật T2.

IV. Nhóm chiến lược WT (Giảm thiểu điểm yếu - phòng tránh thách thức)

WT1. Xây dựng hệ thống học liệu số và cơ sở dữ liệu chuyên ngành võ thuật.

Khắc phục W3, W4 và giảm thiểu T4 thông

qua đầu tư tài nguyên học thuật chuyên sâu.

WT2. Thiết lập cơ chế gắn kết bắt buộc giữa đề tài nghiên cứu và thực tiễn huấn luyện

Giảm nguy cơ nghiên cứu hình thức T5 và khắc phục W1 bằng yêu cầu đề tài phải có nội dung thử nghiệm thực tế.

WT3. Hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả nghiên cứu theo tiêu chí năng lực và ứng dụng.

Giảm tác động đồng thời của W2, W3 và T2 bằng cách xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chú trọng chiều sâu học thuật và giá trị thực tiễn.

Ma trận SWOT trên cho thấy định hướng giải pháp cần kết hợp giữa nâng cao năng lực cá nhân, hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng cường ứng dụng thực tiễn và hội nhập học thuật, bảo đảm tính đặc thù của chuyên ngành Võ – Quyền Anh trong bối cảnh đào tạo Huấn luyện thể thao.

Trên cơ sở phân tích ma trận SWOT, các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh có thể được đề xuất theo bốn định hướng chiến lược sau:

(1) nhóm giải pháp phát huy điểm mạnh - tận dụng thời cơ. Cần xây dựng các đề tài nghiên cứu ứng dụng gắn trực tiếp với thực tiễn huấn luyện Võ – Quyền Anh tại câu lạc bộ, trung tâm và địa phương. Phát huy nền tảng tổ chức ổn định và tỷ lệ công bố cao để mở rộng quy mô công bố trên tạp chí chuyên ngành, hội thảo khoa học thể thao. Đồng thời, hình thành nhóm nghiên cứu sinh viên theo hướng chuyên sâu từng nội dung kỹ thuật và thể lực đặc thù.

(2) nhóm giải pháp khắc phục điểm yếu - tận dụng thời cơ. Tổ chức các lớp bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu, xử lý số liệu và viết bài khoa học; tăng cường sinh hoạt học thuật định kỳ; xây dựng cơ chế theo dõi mức độ ứng dụng sau nghiệm thu đề tài nhằm tạo minh chứng định lượng về chuyển giao vào huấn luyện.

(3) nhóm giải pháp phát huy điểm mạnh - hạn chế thách thức. Chuẩn hóa quy trình hướng dẫn và đánh giá đề tài theo tiêu chuẩn phương pháp luận cao hơn; xây dựng kế hoạch nghiên cứu linh hoạt phù hợp đặc thù tập luyện; nâng cao yêu cầu về đạo đức và chuẩn mực công bố khoa học.



Hoạt động NCKH sinh viên tại UPES1 được tổ chức với đa dạng các loại hình, giúp phát triển tối đa các kỹ năng cho sinh viên

(4) nhóm giải pháp giảm thiểu điểm yếu - phòng ngừa rủi ro. Hoàn thiện hệ thống học liệu số chuyên ngành võ thuật; thiết lập cơ chế bắt buộc gắn đề tài với thử nghiệm thực tế; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chú trọng chiều sâu học thuật và giá trị ứng dụng.

Tổng thể, các giải pháp cần triển khai đồng bộ theo hướng tăng cường chiều sâu học thuật, mở rộng tính ứng dụng thực tiễn và bảo đảm phù hợp với đặc thù đào tạo Huấn luyện thể thao tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

Từ kết quả phân tích SWOT, đề tài đề xuất 06 giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH cho sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh gồm:

Giải pháp 1. Chuẩn hóa và nâng cao năng lực phương pháp nghiên cứu cho sinh viên

Giải pháp 2. Thiết lập cơ chế bắt buộc gắn đề tài với thực tiễn huấn luyện

Giải pháp 3. Xây dựng mô hình nhóm nghiên cứu sinh viên theo chuyên đề kỹ thuật

Giải pháp 4. Tăng cường sinh hoạt học thuật và diễn đàn nghiên cứu chuyên ngành

Giải pháp 5. Phát triển hệ thống học liệu số và cơ sở dữ liệu chuyên ngành võ thuật

Giải pháp 6. Hoàn thiện cơ chế theo dõi và đánh giá sau nghiệm thu đề tài

Các giải pháp trên tập trung đồng thời vào ba trục chính: nâng cao năng lực cá nhân, củng cố môi trường học thuật và tăng cường giá trị ứng dụng thực tiễn, phù hợp với đặc thù đào tạo

ngành Huấn luyện thể thao tại Nhà trường.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở kết quả đánh giá thực trạng hiệu quả NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, kết quả phân tích SWOT đã chỉ ra 5 điểm mạnh, 5 điểm yếu, 5 thời cơ và 5 thách thức trong kết quả nghiên cứu thực trạng. Tổng thể kết quả phân tích SWOT cho thấy hoạt động NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ, Quyền Anh có nền tảng tốt về tổ chức và sản phẩm đầu ra, song cần tập trung khai thác thời cơ chuyển đổi số và nhu cầu thực tiễn để khắc phục hạn chế về chiều sâu năng lực và mức độ ứng dụng. Sử dụng kết quả phân tích SWOT, quá trình nghiên cứu đã đề xuất được 6 giải pháp nâng cao hiệu quả NCKH cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 quy định về nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học.*
3. Vũ Cao Đàm. (1995). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.* Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
5. Chính phủ. (2013). *Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 ban hành Quy hoạch phát triển Thể dục, Thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*